

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Nguyễn Thị Hoa P và anh
Trần Sỹ T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Chung
2. Bà Trần Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Tiến Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoa P, sinh năm 1995; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 13/163 đường Trần Thánh Tông, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 57 đường Nguyễn Thị Trinh, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Sỹ T, sinh năm 1983; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 153/703 đường T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 57 đường Nguyễn Thị Trinh, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị P có đơn xin vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 11-3-2024, bản tự khai ngày 18-3-2024, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hoa P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Sỹ T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 21-6-2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên luôn xảy ra cãi nhau. Anh T không quan tâm, hỗ trợ chị trong công việc gia đình và kinh tế. Rất nhiều lần chị đã nói chuyện với anh T mong vợ chồng cải thiện mối quan hệ nhưng không có kết quả. Từ năm 2017 đến năm 2021 anh chị sống ly thân, chị đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố N nhưng sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn căng thẳng, xảy ra đánh cãi nhau làm ảnh hưởng trật tự địa phương. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Sỹ T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Tiến H, sinh ngày 03-7-2016, hiện nay đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: chị tự thỏa thuận với anh T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng không có gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Trần Sỹ T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

3. Tại đơn trình bày ngày 09-4-2024 cháu Trần Tiến H, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2016 trình bày quan điểm muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

4. Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 26-3-2024 chính quyền địa phương nơi anh Trần Sỹ T và chị Nguyễn Thị Hoa P cư trú cung cấp: Chị Trần Thị Hoa Phương và anh Trần Sỹ T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 21-6-2016. Anh chị cư trú tại 57 đường Nguyễn Thị Trinh, phường H, thành phố N. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không biết. Thời gian gần đây chị P đưa con chung về bố mẹ đẻ sống, không ở cùng anh T. Anh chị có 01 con chung là Trần Tiến H, sinh ngày 03-7-2016.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoa P và anh Trần Sỹ T. Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Trần Tiến H, sinh ngày 04-7-2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị P phải nộp toàn bộ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Hoa Phương có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Trần Sỹ T đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị P, anh T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoa P và anh Trần Sỹ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 21-6-2016 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống nên xảy ra cãi nhau. Theo chị P trình bày vợ chồng có thời gian sống ly thân từ năm 2017 đến năm

2021, chị đã từng nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng quan hệ hôn nhân không cải thiện được. Vợ chồng vẫn xảy ra đánh, cãi nhau ảnh hưởng đến trật tự địa phương.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoa P và anh Trần Sỹ T.

2.2 Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hoa P và anh Trần Sỹ T có 01 con chung là Trần Tiến H, sinh ngày 03-7-2016.

Xét thấy, anh Trần Sỹ T không đến Tòa án trình bày quan điểm về việc nuôi con, chị Nguyễn Thị Hoa P có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng con, cháu Trần Tiến H có quan điểm muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử giao con chung là Trần Tiến H cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hoa P trình bày quan điểm tự thỏa thuận với anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hoa P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hoa P là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoa P và anh Trần Sỹ T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Hoa P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Trần Tiến H, sinh ngày 03-7-2016; Giới tính: Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hoa P tự thỏa thuận với anh Trần Sỹ T không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Hoa P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002005 ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Chị Nguyễn Thị Hoa P và anh Trần Sỹ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường H;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền